TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2018/HNGĐ - ST
Ngày 26/01/2018
"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lê Tuấn Tú.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Phan Thị Bích**

2/ Ông **Lê Quang Luân**

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Hồng Hạnh** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Phương Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2017/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2018 giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V,** sinh năm 1984.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn U, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

Tạm trú: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh **Hà Văn S,** sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn U, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2017, bản tự khai ngày 23/10/2017 nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn S kết hôn với nhau vào ngày 15/8/2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến ngày 07/7/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể quay về đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung quá trình chung sống chị và anh S có hai con chung là cháu Hà Minh S, sinh ngày 06/6/2004 và cháu Hà Lệ Q, sinh ngày 14/02/2008. Hiện nay hai cháu đang ở với bố tại Thôn U, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi ly hôn chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung chị V cho rằng vợ chồng có một số tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị V và anh S không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, chị V đề nghị được ly hôn anh S, về con chung chị V đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Lệ Q.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2017 bị đơn anh Hà Văn S trình bày:

Anh và chị V kết hôn với nhau vào ngày 15/8/2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến ngày 07/7/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh S cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể quay về đoàn tụ được nữa nên chị V xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Hà Minh S, sinh ngày 06/6/2004 và cháu Hà Lệ Q, sinh ngày 14/02/2008. Hiện nay hai cháu đang ở với bố tại Thôn U, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi ly hôn anh S có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung anh S cho rằng vợ chồng có một số tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2018 cháu Hà Lệ Q cho biết:

Hiện tại cháu Q đang học lớp 4 trường tiểu học Hùng Vân, xã H, huyện H, đã từ lâu cháu thấy bố mẹ cháu không ở với nhau nữa, nay bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là muốn ở với mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2017 cháu Hà Minh S cho biết:

Hiện tại cháu đang ở với bố và học lớp 8A3 Trường PTTHCS bán trú xã H, huyện H, đã từ lâu cháu thấy bố mẹ cháu không ở với nhau nữa, nguyên nhân mâu thuẫn của bố mẹ cháu S không biết. Nay bố mẹ lý hôn, nguyện vọng của cháu là muốn ở với bố.

Tại biên bản xác minh ngày 12/12/2017 đại diện U, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cung cấp như như sau:

Anh S và chị V kết hôn với nhau năm 2003, hiện tại có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Uổm, xã Hùng Đức, trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì thôn không biết, đến năm 2014 chị V đã về nhà mẹ đẻ ở thôn K, xã H sống và đi làm ăn ở đâu thôn không biết. Về điều kiện hoàn cảnh gia đình anh S hiện nay thuộc diện hộ nghèo, kinh tế khó khăn. Về sức khỏe và điều kiện nuôi dạy con cái cả chị V và anh S đều có thể đảm bảo được việc nuôi con. Quá trình chung sống tại thôn anh S và chị V luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án những người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện tốt, bị đơn chưa có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 207, 227, 228, khoản 1 Điều 235, 238, Điều 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a , khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V, đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn S. Giao cháu Hà Lệ Q, sinh ngày 14/02/2008 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Hà Minh S, sinh ngày 06/6/2004 cho anh Hà Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, căn cứa vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn S kết hôn với nhau vào ngày 15/8/2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh S, chị V là hợp pháp.

Quá trình chung sống đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi chửi nhau, không quan tâm chăm sóc đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian dài. Cả anh S và chị V đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể quay về đoàn tụ được nữa vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V, anh S đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai vợ chồng đều xác định tình cảm không còn và nhất trí ly hôn, nên cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn S có hai con chung là cháu Hà Minh S, sinh ngày 06/6/2004 và cháu Hà Lệ Q, sinh ngày 14/02/2008. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cả anh S và chị V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu.

Hội đồng xét xử thấy rằng về điều kiện để nuôi con của chị V và anh S hiện nay là như nhau, cả hai đều là lao động tự do, mức thu nhập hàng tháng không cố định, gia đình thuộc diện hộ nghèo của thôn, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi cho các cháu có được điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng tốt nhất Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng nếu giao cả hai cháu cho anh S hoặc

chị V trực tiếp nuôi dưỡng như yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn đều không thể đảm bảo được về điều kiện vật chất, tinh thần, không đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các cháu. Vì thế, cần giao cho anh S và chị V mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một cháu. Qua việc hỏi ý kiến của các cháu HĐXX thấy rằng cháu S có nguyện vọng ở với bố còn cháu Hà có nguyện vọng ở với mẹ, vì vậy cần giao cháu Hà Minh S cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Hà Lệ Q cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Hơn nữa việc giao cháu Hà cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu S cho bố trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng tốt hơn cho sự phát triển tâm, sinh lý của các cháu sau này.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên cũng đề nghị Hội đồng xét xử giao giao cháu Hà Minh S cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Hà Lệ Q cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của các cháu nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn S đều xác định có một số tài sản chung nhưng không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí:

Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 207, 227, 228, 238, khoản 1 Điều 235, Điều 266, 267 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a , khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn S.

- Về con chung: Giao cháu Hà Minh S, sinh ngày 06/6/2004 cho anh Hà Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Hà Lệ Q, sinh ngày 14/02/2008 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh S và chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai số 0003876 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị V, anh Hà Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Hùng Đức;
- Các đ- ơng sự;
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tuấn Tú